

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 02/2024/DS-PT
Ngày 08-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Tạ Văn Vinh;

Các Thẩm phán: bà Trần Thị Sâm và ông Đinh Huy Lưỡng.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Minh Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: bà Phạm Minh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 50/2023/QĐPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng V (V Bank); địa chỉ trụ sở: số 89 L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng V.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền: ông Vũ Tuấn N - Chức danh: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ liên hệ: lô 35+36, khu đô thị D, phường Trần Đăng N, thành phố N, tỉnh Nam Định (theo các văn bản uỷ quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020, văn bản uỷ quyền số 76/2023/UQ-LCC-KHCNMB2 ngày 10/5/2023, văn bản uỷ quyền số 96/2023/UQ-LCC-KHCNMB2 ngày 20/12/2023).

2. Bị đơn: anh Đỗ Khắc Q, sinh năm 1976 và chị Đinh Thị T, sinh năm 1980; cùng địa chỉ: thôn X, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

3. Người kháng cáo: Ngân hàng V.

Tại phiên tòa có mặt: ông Vũ Tuấn N, anh Đỗ Khắc Q, chị Đinh Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Vũ Tuấn N trình bày:

Ngày 21/5/2013 vợ chồng anh Đỗ Khắc Q và chị Đinh Thị T cùng Ngân hàng V ký kết Hợp đồng tín dụng số LD1314100211 với số tiền vay là 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*). Mục đích sử dụng tiền vay để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô 5 chỗ ngồi nhãn hiệu CHEVROLET CRUZE, biển kiểm soát 35A - 017.55, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008039 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 16/5/2013 mang tên Đỗ Khắc Q. Thời hạn vay 36 tháng; lãi suất ban đầu là 14%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,9%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay trên anh Q, chị T đã thế chấp cho Ngân hàng V xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu CHEVOLET CRUZE, biển kiểm soát 35A - 017.55 theo Hợp đồng thế chấp số 13N009352 ngày 21/5/2013 giữa anh Q, chị T và Ngân hàng V. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Q, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 21/5/2016. Tính đến ngày 04/7/2023, anh Q, chị T đã trả cho Ngân hàng V số tiền 256.754.365 đồng, trong đó gốc là 199.200.000 đồng, lãi là 57.554.365 đồng.

Tại đơn khởi kiện ngày 10/5/2023, Ngân hàng V đề nghị Tòa án buộc ông Đỗ Khắc Q và bà Đinh Thị T1 phải trả số tiền tính đến ngày 24/4/2023 là 277.131.879 đồng và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 25/4/2023 đến ngày thực trả theo đúng mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Kể từ ngày Bản án/Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Đỗ Khắc Q và bà Đinh Thị T1 không trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng V, thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô con nhãn hiệu CHEVROLET CRUZE, số khung RLLJF696EDH915329, số máy F16D33698942; Biển kiểm soát 35A - 017.55; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008039 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 16/5/2013 thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Đỗ Khắc Q để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng V. Trường hợp xử lý tài sản bảo đảm nói trên vẫn không đủ để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V, ông Đỗ Khắc Q và bà Đinh Thị T1 phải tiếp tục trả nợ cho đến khi hoàn thành xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng V đề nghị Tòa án: buộc vợ chồng anh Q, chị T phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc là 100.800.000 đồng và lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 29/9/2023 là 132.014.938 đồng. Không yêu cầu bị đơn thanh toán lãi phạt chậm trả là 55.343.171 đồng. Trường hợp anh Q, chị T không thực hiện và thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo là xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu CHEVROLET

CRUZE, biển kiểm soát số 35A-017.55 theo Hợp đồng thế chấp số 13N009382 ngày 21/5/2013 giữa anh Q, chị T với Ngân hàng V. Kể từ ngày 30/9/2023 cho đến khi thi hành xong toàn bộ số nợ anh Q, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số LD1314100211 ngày 21/5/2013. Ngoài ra không yêu cầu bất cứ khoản nào khác.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ngân hàng đã chi trả và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Đỗ Khắc Q và chị Đinh Thị T trình bày:

Việc ký hợp đồng tín dụng số LD1314100211 ngày 21/5/2013 với Ngân hàng V để vay số tiền là 300.000.000 đồng mục đích vay, mức lãi suất như nguyên đơn trình bày là đúng. Để đảm bảo cho khoản vay trên anh, chị đã thế chấp 01 xe ô tô 05 chỗ ngồi nhãn hiệu CHEVOLET CRUZE, biển kiểm soát 35A-017.55, giấy chứng nhận đăng ký mang tên Đỗ Khắc Q. Quá trình thực hiện hợp đồng anh, chị đã thanh toán cho ngân hàng được 274.200.000 đồng tiền gốc và chỉ còn nợ lại 25.800.000 đồng tiền gốc. Tuy nhiên, đến nay anh, chị không có tài liệu chứng cứ đã thanh toán 2 lần nợ gốc tổng số tiền là 75.000.000 đồng cho một cán bộ ngân hàng tên là Trần H. Do vậy, tại phiên tòa quan điểm của anh, chị: Nhất trí yêu cầu của nguyên đơn về việc phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc còn nợ lại là 100.800.000 đồng cho Ngân hàng V. Về yêu cầu tính lãi suất lãi trong hạn và lãi quá hạn tính đến ngày 29/9/2023 là 132.014.938 đồng anh, chị không nhất trí vì đã hết thời hiệu nên ngày 11/9/2023 anh, chị đã có đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với việc khởi kiện phần lãi suất của hợp đồng tín dụng số LD1314100211 ngày 21/5/2013. Nhất trí với nguyên đơn nếu không thực hiện và thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo là xe ô tô 05 chỗ ngồi nhãn hiệu CHEVROLET CRUZE, biển kiểm soát 35A-017.55 theo Hợp đồng thế chấp số 13N009382 ngày 21/5/2013. Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán do hết thời hiệu khởi kiện nên lãi suất chậm thi hành án đề nghị tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 29/9/2023, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình đã căn cứ các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các Tổ chức tín dụng 2010; khoản 2 Điều 155, các Điều 157, 429, 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 2 Điều 184, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Đình chỉ yêu cầu buộc anh Đỗ Khắc Q và chị Đình Thị T phải thanh toán lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả theo Hợp đồng tín dụng số LD1314100211 ngày 21/5/2013 của Ngân hàng V.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc.

Buộc vợ chồng anh Đỗ Khắc Q và chị Đình Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng V (VPBank) số tiền nợ gốc còn lại là 100.800.000 đồng (*một trăm triệu tám trăm nghìn đồng*).

Trường hợp anh Q, chị T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo là xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu CHEVROLET CRUZE, biển kiểm soát 35A-017.55 theo Hợp đồng thế chấp số 13N009382 ngày 21/5/2013 giữa anh Q, chị T và Ngân hàng V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, quyền thỏa thuận thi hành án cho các đương sự.

Ngày 12/10/2023, Ngân hàng V có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình tại mục 1 trong phần quyết định của Bản án và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh Đỗ Khắc Q và chị Đình Thị T phải trả cho Ngân hàng V số tiền nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 29/9/2023 là 132.014.938 đồng và lãi phát sinh từ ngày 30/9/2023 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ tại Ngân hàng V.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng V vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình. Ngân hàng V phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Ngân hàng V được làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo nhận thấy:

[2.1] Ngày 21/5/2013, vợ chồng anh Đỗ Khắc Q và chị Đinh Thị T ký hợp đồng tín dụng số LD1314100211 với Ngân hàng V để vay số tiền 300.000.000 đồng. Mục đích vay vốn là để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu CHEVROLET CRUZE, biển kiểm soát 35A-017.55, giấy chứng nhận đăng ký xe số 008039 do Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Ninh Bình cấp ngày 16/5/2013 mang tên Đỗ Khắc Q. Thời hạn vay 36 tháng, lãi suất ban đầu là 14%/năm, được điều chỉnh 3 tháng/lần, mức điều chỉnh bằng lãi suất bán vốn của ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,9%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay trên anh Q, chị T đã thế chấp cho Ngân hàng V xe ô tô 05 chỗ nhãn hiệu CHEVROLET CRUZE, biển kiểm soát 35A-017.55 theo Hợp đồng thế chấp số 13N009352 ngày 21/5/2013 giữa anh Q, chị T và Ngân hàng. Ngân hàng đã giải ngân số tiền 300.000.000 đồng theo khế ước nhận nợ ngày 21/5/2013. Hợp đồng tín dụng số LD1314100211 ngày 21/5/2013 và Hợp đồng thế chấp số 13N009382 ngày 21/5/2013 ký kết giữa Ngân hàng V và vợ chồng anh Đỗ Khắc Q, chị Đinh Thị T được ký kết theo đúng quy định pháp luật. Anh Đỗ Khắc Q, chị Đinh Thị T đã nhận số tiền gốc vay là 300.000.000 đồng như trong thoả thuận của hợp đồng mà các bên đã ký kết.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng V cho rằng tính đến ngày 04/7/2023, anh Q, chị T đã trả cho Ngân hàng V tổng số tiền là 256.754.365 đồng, trong đó tiền gốc là 199.200.000 đồng, lãi là 57.554.365 đồng, vợ chồng anh Q, chị T còn phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 100.800.000 đồng. Anh Q, chị T lại cho rằng quá trình thực hiện hợp đồng anh, chị đã thanh toán cho Ngân hàng 274.200.000 đồng tiền gốc và chỉ còn nợ lại 25.800.000 đồng tiền gốc. Tuy nhiên, đến nay anh, chị không có tài liệu chứng cứ đã thanh toán 2 lần nợ gốc tổng số tiền là 75.000.000 đồng cho một cán bộ ngân hàng tên là Trần H nên anh, chị nhất trí thanh toán toàn bộ số nợ gốc còn nợ lại là 100.800.000 đồng cho Ngân hàng. Như vậy, các bên đương sự đều thừa nhận tính đến ngày 04/7/2023, anh Q, chị T đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền là 256.754.365 đồng; trong đó tiền gốc là 199.200.000 đồng, lãi là 57.554.365 đồng, vợ chồng anh Q, chị T còn phải trả cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc là 100.800.000 đồng.

[2.3] Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng V đều khẳng định anh Q, chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 21/5/2016, Ngân hàng đã trực

tiếp làm việc với vợ chồng anh Đỗ Khắc Q và chị Đinh Thị T để đơn đốc trả nợ 03 lần, lần lượt vào các ngày 11/6/2018, 31/7/2018 và 20/4/2020. Biên bản làm việc ngày 20/4/2020 là biên bản cuối cùng thể hiện việc anh Q, chị T xác nhận dư nợ với Ngân hàng.

[2.4] Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì "*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*". Như vậy, thời hiệu để Ngân hàng V thực hiện việc khởi kiện là 03 năm kể từ ngày 21/4/2020 nhưng đến ngày 15/5/2023 Tòa án cấp sơ thẩm mới nhận được đơn khởi kiện của Ngân hàng V là đã quá 03 (ba) năm, nên thời hiệu khởi kiện để Ngân hàng V yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đã hết. Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng V trình bày năm 2021, 2022 ngân hàng có đơn đốc trả nợ nhưng không lập biên bản làm việc với anh Q, chị T, ngoài lời khai Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng V không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên không có căn cứ để tính lại thời hiệu khởi kiện như Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng V trình bày. Ngày 11/9/2023 vợ chồng anh Q, chị T có đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ đối với yêu cầu về việc buộc anh Đỗ Khắc Q và chị Đinh Thị T phải thanh toán lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt chậm trả theo Hợp đồng tín dụng số LD1314100211 ngày 21/5/2013 do thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi của Hợp đồng tín dụng đã hết là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.5] Theo quy định tại khoản 2 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện trong trường hợp "*yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác*" nên yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc không phụ thuộc vào việc các bên có yêu cầu áp dụng thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án giải quyết vụ việc hay không, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc và buộc vợ chồng anh Đỗ Khắc Q và chị Đinh Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền nợ gốc còn lại là 100.800.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.6] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng V không giao nộp thêm tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ; vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng V, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình.

[2.7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của Ngân hàng V không được chấp nhận nên Ngân hàng V phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng V; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2023/DS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ngân hàng V phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002352 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND huyện H;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS huyện H;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tạ Văn Vinh